

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giao dịch giằng co quanh ngưỡng 1,240 trong phiên sáng trước khi dòng tiền vào và giúp chỉ số bật tăng mạnh mẽ trong phiên chiều. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,267.53 điểm, tăng hơn 27 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Truyền thông,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. VN-Index đã trở về ngưỡng 1,265 như quan điểm trước đó của BSC. Trong những phiên tới, VN-Index có thể tiếp tục quán tính tăng điểm và trở về vùng 1,280 -1,290.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 05/12/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+27.12** điểm, đóng cửa tại **1267.53** điểm. HNX-Index **+4.98** điểm, đóng cửa tại **229.6** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+1.82)**, **FPT (+1.80)**, **CTG (+1.45)**, **VHM (+1.31)**, **TCB (+1.30)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HVN (-0.43)**, **VTP (-0.28)**, **CTR (-0.09)**, **TDM (-0.02)**, **BMP (-0.02)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,162** tỷ đồng, tăng **60.41%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,010 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 30.69 điểm. Thị trường có **347** mã tăng, 50 mã tham chiếu, **55** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **665.66** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (126.50 tỷ)**, **MSN (79.33 tỷ)**, **FPT (74.37 tỷ)**, **SSI (71.17 tỷ)**, **DXG (67.95 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **22.16** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.95%**. Các mã diễn biến tích cực: **GMD (+1.09%)**, **CTR (+0.96%)**, **DGW (+0.94%)**.
- BSC50 **-0.57%**. Các mã diễn biến tích cực: **VTP (+6.27%)**, **HAH (+4.49%)**, **BMP (+3.08%)**.

Hiệu suất các chỉ số (Cập nhật đến ngày 04/12)

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.95%	-0.57%	-0.75%	-0.87%
1 tuần	0.45%	1.08%	0.63%	0.62%
1 tháng	2.17%	2.02%	2.09%	2.31%
3 tháng	-3.92%	-2.83%	-2.79%	-2.11%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,267.53	229.60	92.95
% 1D	2.19%	2.22%	0.55%
GTGD (tỷ VND)	19,162	1,512	850
%1D	60.41%	74.68%	50.93%
GDNN (tỷ VND)	665.66	22.16	-17.45

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	126.50	VCB	-92.23
MSN	79.33	HSG	-38.18
FPT	74.37	VTP	-36.68
SSI	71.17	VNM	-30.02
DXG	67.95	BID	-27.35

Thị trường thế giới

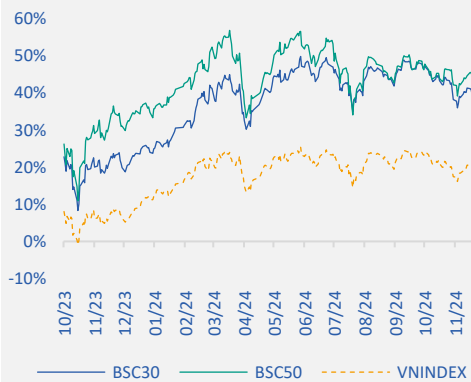
		%D	%W
SPX	6,086	0.61%	1.08%
FTSE100	8,344	0.10%	0.76%
Eurostoxx	4,947	0.61%	3.80%
Shanghai	3,369	0.13%	2.22%
Nikkei	39,383	0.38%	2.69%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	72.35	-0.21%
Giá vàng	2,673	
Tỷ giá		
USD/VND	25,479	0.02%
EUR/VND	27,442	0.13%
JPY/VND	172	-0.58%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.9%	0.00%
LS LNH 1M	4.6%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



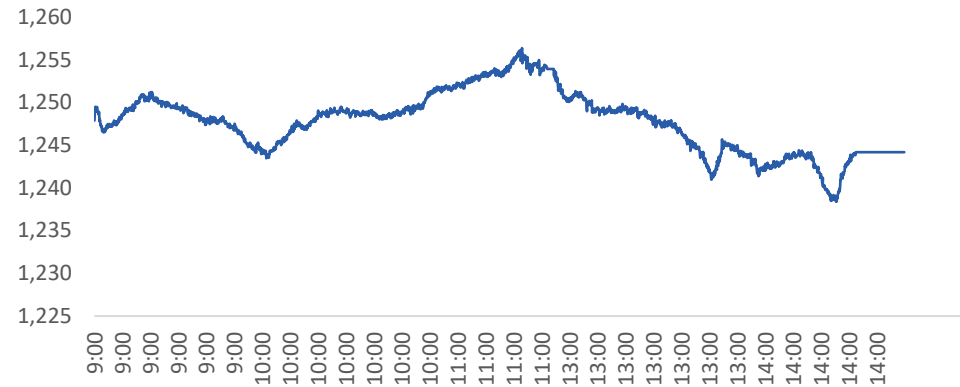
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2501	1349.00	2.92%	1,033	99.81%	1/16/2025	42
VN30F2412	1345.00	3.22%	297,034	42.58%	12/19/2024	14
VN30F2503	1347.10	2.86%	92	61.40%	3/20/2025	105
VN30F2506	1350.00	3.05%	144	476.00%	6/19/2025	196

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +39.74 điểm, đóng cửa tại 1337.55 điểm. Biên độ dao động 41.82 điểm. Các cổ phiếu như FPT, HPG, MWG, TCB, STB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Thanh khoản trên cả VN30 và hợp đồng tương lai VN30F1M đều tăng mạnh, đây là tín hiệu tích cực, cho thấy dòng tiền tham gia mạnh mẽ trở lại sau gần 20 phiên giao dịch trầm lắng. Trường hợp thị trường có rung lắc hoặc xuất hiện nhịp điều chỉnh, có thể xem xét mở vị thế Short ngắn hạn, nhưng ưu tiên vẫn là Long khi có tín hiệu hỗ trợ tăng giá trở lại.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2412,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2403	4/28/2025	144	139,100	-70.46%	13.50	7,590	30.9%	33.81	43.86	148.50	148.50
CSTB2404	3/6/2025	91	729,900	-76.97%	3.10	1,180	28.3%	7.72	7.82	33.95	33.95
CMWG2406	7/28/2025	235	117,000	-75.67%	6.60	2,060	21.2%	13.65	14.84	61.00	61.00
CMWG2314	1/9/2025	35	1,456,700	-75.60%	5.16	980	21.0%	5.63	14.88	61.00	61.00
CSTB2402	5/21/2025	167	1,998,600	-73.14%	3.00	2,040	20.7%	10.34	9.12	33.95	33.95
CHPG2407	4/28/2025	144	417,400	-75.30%	2.60	1,070	18.9%	6.32	6.88	27.85	27.85
CHPG2408	7/28/2025	235	557,500	-73.07%	2.70	1,200	18.8%	6.31	7.50	27.85	27.85
CHPG2406	10/28/2025	327	98,400	-71.27%	2.80	1,300	14.0%	6.29	8.00	27.85	27.85
CVNM2401	5/21/2025	167	302,500	-76.24%	6.38	1,150	11.7%	7.50	15.28	64.30	64.30
CVIB2405	4/28/2025	144	204,100	-76.64%	1.80	1,360	11.5%	8.79	4.52	19.35	19.35
CMSN2404	7/28/2025	235	17,300	-76.09%	7.90	2,430	11.0%	16.51	17.62	73.70	73.70
CVIB2406	7/28/2025	235	665,400	-75.50%	1.90	710	10.9%	4.38	4.74	19.35	19.35
CVIC2405	7/28/2025	235	40,300	-76.55%	4.30	1,320	10.9%	9.17	9.58	40.85	40.85
CMBB2402	5/21/2025	167	1,047,700	-76.49%	2.35	1,750	10.1%	11.37	5.77	24.55	24.55
CACB2404	7/28/2025	235	142,500	-75.33%	2.50	960	9.1%	5.82	6.34	25.70	25.70
CHPG2402	5/21/2025	167	714,500	-76.47%	2.82	1,370	7.0%	9.20	6.55	27.85	27.85
CVHM2402	3/6/2025	91	75,700	-76.74%	4.15	1,370	6.2%	9.32	9.63	41.40	41.40
CMBB2315	1/9/2025	35	644,900	-71.30%	1.96	1,300	5.7%	5.77	7.04	24.55	24.55
CFPT2314	1/9/2025	35	386,200	-51.68%	8.64	7,310	4.7%	16.20	71.76	148.50	148.50
CFPT2402	7/28/2025	235	88,400	-71.70%	13.50	7,130	3.5%	33.85	42.02	148.50	148.50

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 05/12/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CVPB2319 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 80.00%. CSTB2402 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.78%.
- CFPT2314, CFPT2403, CHPG2406, CMBB2315, và CFPT2402 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2403, CFPT2402, CMSN2404, CMSN2405, và CFPT2314 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	148.50	3.48%	4.99
HPG	27.85	4.31%	4.04
MWG	61.00	4.99%	3.41
TCB	24.20	3.20%	3.39
STB	33.95	4.78%	2.93

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
BVH	51.90	-0.19%	-0.01

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HPG	27.85	4.31%	1.82	6.40
FPT	148.50	3.48%	1.80	1.47
CTG	36.40	3.12%	1.45	5.37
VHM	41.40	3.24%	1.31	4.11
TCB	24.20	3.20%	1.30	7.05

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	30.00	9.49%	1.10	0.57
SHS	13.90	7.75%	0.59	0.81
KSV	54.00	5.47%	0.40	0.20
IDC	55.50	3.16%	0.39	0.33
VIF	18.00	4.65%	0.20	0.35

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	26.15	-3.15%	-0.43	2.21
VTP	140.40	-6.96%	-0.28	0.12
CTR	122.90	-2.61%	-0.09	0.11
TDM	49.60	-1.78%	-0.02	0.11
BMP	126.00	-0.94%	-0.02	0.08

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DHT	103.90	-0.86%	-0.05	0.08
DNP	20.10	-1.95%	-0.04	0.14
MVB	19.20	-2.54%	-0.03	0.11
VNT	31.10	-9.59%	-0.03	0.02
VC7	12.00	-4.00%	-0.03	0.10

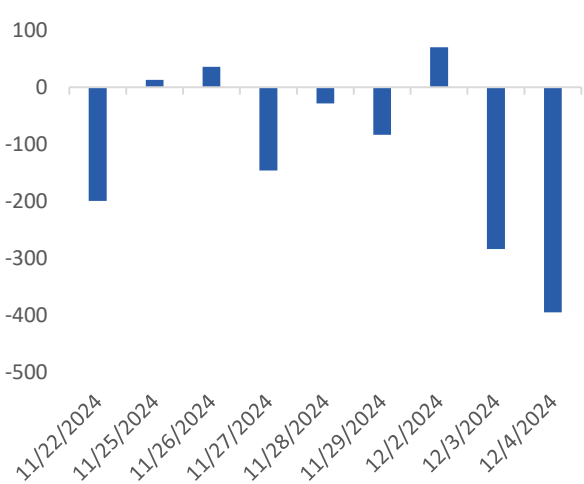
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

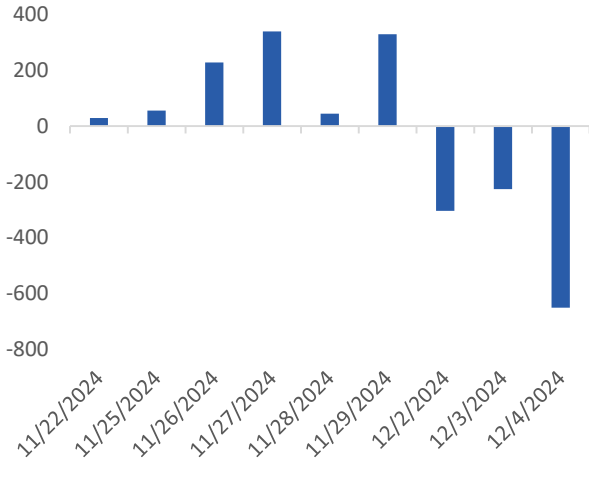
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 1
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research



DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	94.0	0.50%	0.7	20,688	8.6	6,194	15.2	-	23.2%	Link
BID	Ngân hàng	46.0	1.90%	1.4	10,326	4.4	4,106	11.2	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	19.5	2.60%	1.0	6,092	24.2	1,663	11.7	-	25.2%	Link
TCB	Ngân hàng	24.2	3.20%	1.3	6,732	13.5	3,207	7.5	-	22.2%	Link
MBB	Ngân hàng	24.6	2.90%	1.1	5,130	10.2	4,021	6.1	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	34.0	4.80%	1.4	2,520	17.6	4,640	7.3	-	23.4%	Link
CTG	Ngân hàng	36.4	3.10%	1.6	7,697	14.9	4,035	9.0	-	26.3%	Link
ACB	Ngân hàng	25.7	2.60%	0.8	4,520	8.4	3,638	7.1	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	25.7	6.90%	1.5	1,985	36.0	1,490	17.2		36.2%	Link
IDC	Xây dựng	55.5	3.20%	1.0	721	3.7	6,634	8.4	65,700	24.5%	Link
HPG	Xây dựng	27.8	4.30%	1.0	7,015	49.1	1,905	14.6	41,500	23.7%	Link
HSG	VLXD	18.8	3.00%	1.6	460	10.3	828	22.7	25,300	17.3%	Link
VHM	BĐS	41.4	3.20%	0.7	6,696	7.9	4,700	8.8	108,300	11.7%	Link
KDH	BĐS	33.3	1.40%	1.2	1,326	5.0	522	63.8	44,500	38.1%	Link
NLG	BĐS	38.3	3.80%	1.2	580	1.7	793	48.3	-	48.8%	Link
DGC	Hóa chất	110.0	1.90%	1.4	1,645	6.9	7,791	14.1	115,000	18.1%	Link
DCM	Phân bón	37.3	1.60%	0.9	778	4.0	2,917	12.8	38,700	7.4%	Link
GAS	Dầu khí	68.9	0.40%	0.5	6,356	1.7	4,728	14.6	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	34.1	1.50%	1.1	642	3.2	1,919	17.8	57,000	22.1%	Link
PVD	Dầu khí	23.8	2.80%	1.4	521	3.3	1,211	19.7	38,400	15.6%	Link
POW	Dầu khí	12.5	1.60%	0.7	1,153	4.3	597	20.9	17,100	4.1%	Link
VHC	Thủy sản	73.5	0.80%	1.3	650	4.5	3,814	19.3	108,500	28.3%	Link
GMD	Logistics	66.0	2.00%	0.7	1,076	3.8	4,315	15.3	90,400	48.6%	Link
VNM	Bán lẻ	64.3	1.60%	0.4	5,292	5.6	4,591	14.0	93,100	51.7%	Link
MSN	Bán lẻ	73.7	2.20%	1.0	4,391	15.6	898	82.1	110,000	28.6%	Link
MWG	Bán lẻ	61.0	5.00%	1.2	3,512	20.7	2,028	30.1	-	46.9%	Link
PNJ	Bán lẻ	96.0	1.90%	1.0	1,277	4.9	5,960	16.1	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	43.4	1.60%	1.8	372	4.6	1,809	24.0	66,600	25.1%	Link
FPT	Bán lẻ	148.5	3.50%	1.1	8,602	28.4	5,129	29.0	107,900	45.2%	Link
CTR	Hạ tầng	122.9	-2.60%	1.5	554	8.2	4,640	26.5	-	9.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	26.7	3.10%	1.1	3,062	9.9	4,461	6.0	1.6	19.5%	27.8%
VIB	Ngân hàng	19.4	2.70%	1.2	2,270	8.7	2,412	8.0	1.4	4.2%	21.4%
TPB	Ngân hàng	16.4	4.10%	1.4	1,711	7.6	1,840	8.9	1.2	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.6	3.10%	1.1	1,188	3.8	1,687	6.9	0.9	29.5%	14.9%
EIB	Ngân hàng	18.7	1.60%	0.8	1,372	3.1	1,447	12.9	1.4	2.8%	9.9%
HCM	Chứng khoán	29.0	6.80%	1.8	821	17.0	1,409	20.5	2.0	45.3%	10.6%
VCI	Chứng khoán	34.8	6.90%	1.5	983	20.7	1,419	24.5	2.3	4.7%	9.6%
VND	Chứng khoán	13.8	4.50%	1.5	830	17.6	1,503	9.2	1.1	12.4%	15.0%
BSI	Chứng khoán	46.0	7.00%	1.9	404	2.1	1,732	26.6	2.1	40.0%	9.3%
SHS	Chứng khoán	13.9	7.80%	1.6	445	9.5	1,178	11.8	1.0	3.6%	10.5%
CTD	Xây dựng	67.4	1.40%	1.4	265	3.4	3,361	20.1	0.8	47.1%	3.6%
HHV	Xây dựng	11.4	2.30%	1.5	193	1.7	835	13.6	0.6	7.7%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.3	2.50%	1.5	78	0.5	825	12.5	0.8	2.1%	5.7%
SZC	Xây dựng	42.6	3.30%	1.0	302	5.3	1,572	27.1	2.5	2.3%	12.1%
SIP	Xây dựng	84.3	0.40%	1.3	699	1.8	5,635	15.0	4.2	3.3%	29.0%
PHR	BĐS KCN	58.0	1.80%	0.9	310	0.6	2,858	20.3	2.0	18.5%	12.1%
DIG	BĐS	21.0	4.00%	1.6	504	13.5	135	155.9	1.7	4.7%	1.1%
CEO	BĐS	14.6	3.50%	1.8	311	4.8	316	46.2	1.3	4.8%	2.1%
KBC	BĐS KCN	28.7	2.50%	1.4	868	7.4	549	52.2	1.2	20.5%	1.7%
VGC	BĐS KCN	44.0	3.20%	1.2	776	3.1	1,312	33.5	2.4	3.7%	8.2%
GVR	BĐS KCN	31.4	3.30%	1.6	4,938	3.7	851	36.8	2.4	0.5%	6.5%
NKG	BĐS KCN	19.3	3.20%	1.6	200	7.5	1,736	11.1	0.9	13.1%	7.4%
BMP	Vật liệu	126.0	-0.90%	1.1	406	1.3	12,420	10.1	3.5	82.6%	34.6%
IJC	Hạ tầng	13.6	1.50%	1.3	203	0.7	729	18.7	1.0	4.6%	6.0%
DXG	BĐS	18.0	6.80%	1.4	509	26.5	197	91.1	1.2	15.4%	1.9%
VRE	Bất động sản	17.8	3.20%	1.2	1,597	4.6	1,795	9.9	1.0	20.6%	11.9%
PDR	Bất động sản	21.8	6.90%	1.7	750	14.9	500	43.6	1.7	6.4%	5.0%
DIG	Bất động sản	21.0	4.00%	1.6	504	13.5	135	155.9	1.7	4.7%	1.1%
HUT	Xây dựng	15.8	0.00%	0.8	555	0.8	75	210.2	1.6	1.5%	1.7%
C4G	Xây dựng	8.0	1.30%	1.0	-	0.1	573	14.0	0.7	0.0%	4.8%
CSV	Hóa chất	38.7	2.90%	1.6	168	3.1	2,122	18.2	2.9	3.8%	15.2%
DHC	Hóa chất	36.2	1.10%	1.0	115	1.8	3,330	10.9	1.5	39.2%	13.3%
DRC	Cao su	28.5	1.60%	0.8	133	0.8	2,259	12.6	1.8	11.7%	16.5%
PC1	Điện	23.3	2.00%	1.0	328	1.4	1,511	15.4	1.3	13.8%	6.1%
HDG	BĐS	30.4	5.50%	1.3	403	14.5	2,116	14.4	1.7	15.7%	11.8%
GEX	Điện	19.3	3.50%	1.5	653	4.4	1,207	16.0	1.2	8.3%	7.0%
QTP	Điện	14.1	0.70%	0.6	-	0.1	1,500	9.4	1.2	1.2%	11.2%
PLX	O&G	40.6	0.70%	0.7	2,031	1.1	2,350	17.3	2.0	18.2%	13.8%
BSR	O&G	20.0	2.60%	1.1	-	4.4	966	20.7	1.1	0.7%	13.4%
PLC	O&G	21.9	2.80%	1.3	70	0.1	611	35.8	1.4	0.5%	4.7%
ANV	Thủy sản	19.4	6.90%	1.2	203	2.5	315	61.5	0.9	1.0%	1.2%
PTB	Gỗ	64.1	1.30%	1.1	169	0.5	4,944	13.0	1.5	24.9%	11.9%
VSC	Logistics	16.2	1.60%	1.1	183	2.3	737	22.0	1.1	2.4%	7.3%
HAH	Logistics	50.0	0.00%	0.9	239	5.4	3,571	14.0	2.0	7.7%	10.6%
DBC	Logistics	27.2	3.60%	1.6	358	4.6	1,604	16.9	1.4	12.1%	5.0%
FRT	Bán lẻ	181.0	1.10%	0.8	971	5.4	775	233.7	13.7	36.1%	11.8%
QNS	Bán lẻ	51.1	0.60%	0.5	-	0.7	6,553	7.8	2.0	13.8%	28.7%
TNG	Dệt may	25.3	2.80%	1.1	122	2.4	2,427	10.4	1.7	17.1%	14.7%
PVT	O&G	27.4	1.50%	1.0	383	1.8	3,130	8.7	1.3	13.2%	14.2%
DPM	Phân bón	36.3	1.40%	1.0	559	5.0	1,700	21.3	1.3	8.8%	5.5%
REE	Tiện ích	68.4	1.80%	1.0	1,269	3.0	3,860	17.7	1.8	49.0%	10.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
13	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
14	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
15	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
16	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
18	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84) 2439264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660